TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2019/ QĐST- HNGĐ	*G, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Trung K, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm 2, thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Trần Thị Bích Th, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm 2, thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 357 Bộ luật Dân sự .

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lê Trung K và chị Trần Thị Bích Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Anh Lê Trung K và chị Trần Thị Bích Th đều xác nhận anh chị có 01 con chung cháu tên là Lê Quang C, sinh ngày 26/4/2013. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Lê Quang C cho anh Lê Trung K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Bích Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Anh Lê Trung K và chị Trần Thị Bích Th đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung.

2.3. Về án phí: Anh Lê Trung K phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2013/0001256 ngày 25/6/2019.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc